

TRỞ LẠI THÀNH PHẦN DÂN TỘC CỦA NGƯỜI NGUỒN

KHÔNG ĐIỂN

Ngày nay cùng với tôn giáo, dân tộc và quản lý mối quan hệ dân tộc đang là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Xác định đúng thành phần dân tộc trong tình hình hiện tại cũng nằm trong sự quan tâm đó.

Nhìn lại công tác xác định thành phần dân tộc của nước ta trong những năm 60-70 của thế kỷ trước cho thấy, các nhà khoa học xã hội Việt Nam đã vận dụng một cách sáng tạo những thành tựu của khoa học Mác-xít trên thế giới, căn cứ vào thực tiễn ở trong nước, đã đưa ra 3 tiêu chí: ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác dân tộc, để phân định tộc người là rất xác đáng và nó vẫn còn nguyên giá trị cho đến hiện nay.

Mặc dù bảng danh mục 54 dân tộc ở Việt Nam đã được công bố ngày 2.3.1979 và đã được sử dụng chính thức trong các văn bản nhà nước, đặc biệt là trong ba cuộc Tổng điều tra dân số toàn quốc (1979, 1989 và 1999) nhưng đến nay vẫn còn có những ý kiến muốn được xem xét lại vấn đề này, trong đó có ý kiến của cán bộ và nhân dân Nguồn ở huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Về nhóm người Nguồn, ngoài các tài liệu của các tác giả người Việt thời phong kiến và các tác giả người Pháp; các nhà dân tộc học Việt Nam như Mạc Đường, Phan Hữu Dật, Nguyễn Bình (Nguyễn Dương Bình) đã có dịp tiếp xúc với người

dân địa phương từ những năm đầu thập niên 60 thế kỷ trước.

Để có thêm tư liệu phục vụ công tác xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam, trước tiếp là Hội nghị Khoa học cuối năm 1973 tại Hà Nội, Viện Dân tộc học đã tổ chức một đoàn cán bộ đến nghiên cứu các dân tộc Quảng Bình vào tháng 8 và tháng 9 năm 1973, trong đó có tác giả của bài viết này.

Cũng để thu thập thêm tư liệu phục vụ cho Hội thảo xác định lại thành phần dân tộc của nhóm người Nguồn trong ba, bốn năm nay Viện Dân tộc học đã cử 4, 5 đoàn đến các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Hoà Bình để nghiên cứu, một mặt sưu tầm thêm các tư liệu về người Nguồn, mặt khác để so sánh giữa người Nguồn với các dân tộc khác như Bru (nhóm Khùa); Chứt (các nhóm Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liêng), Thổ (Đan Lai, Poọng, Kẹo, Mọn, Lâm La, Như Xuân), Mường (ở Thanh Hoá và ở Hoà Bình) và với người Việt.

Ở đây chúng tôi cũng chỉ điểm lại những nét khái quát về đặc điểm của người Nguồn và sơ bộ đưa ra suy nghĩ của mình về thành phần dân tộc của họ.

1. Về nguồn gốc lịch sử

Hiện nay toàn bộ số dân Nguồn có khoảng trên 4 vạn người, trong đó 3,5 vạn người ở huyện Minh Hoá, còn lại ở huyện Tuyên Hoá, có một số ít chuyển xuống thành phố Đồng Hới và một số tỉnh

phía Nam. Ở Lào, năm 1995 có 1.344 người với tên gọi là Nguane (1).

Một trong những tác giả viết sớm nhất về đất đai, cảnh vật miền tây Quảng Bình, địa bàn cư trú của người Nguồn, có lẽ là Dương Văn An. Trong tác phẩm "Ô Châu cân lục", ông có viết: "Nguồn ở địa phận Châu Bố Chính. Đây là nơi khai thác các thứ cảnh vật: Ngà voi, màn hoa, gối hoa, lụa, mật ong, sáp ong, nhựa trám, gỗ thiết mộc (đinh, lim, sến, táu) gỗ vàng tâm, tre, vầu ..." (2).

Trong "Phủ biên tạp lục", Lê Quý Đôn viết năm 1776 đã ghi rõ: "Lý Thánh Tông năm Thiên Huống Bảo tương thứ 2 (1069) Kỷ Dậu mùa xuân, Vua đi đánh Chiêm Thành, bắt vua nước ấy là Chế Củ đem về. Chế Củ xin lấy ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội ... Nhân Tông năm Thái Ninh thứ 4 (1075), sai Lý Thường Kiệt đi tuần tiễu biên thủy vẽ địa đồ hình thế núi sông 3 châu ấy dâng lên, đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu dân đến ở" (3).

Theo sách "Đại Nam nhất thống chí", phần viết về Quảng Bình có ghi "Xưa là đất Việt thường, đời Trần thuộc Tượng Quận, đời Hán là cõi Nhật Nam, đời Tống thuộc Lâm Ấp ... Lý Nhân Tông năm Thái Ninh thứ 4 đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Bố Chính làm châu Nam Bố Chính và Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu dân đến ở" (4).

Các tác giả sau này khi đề cập đến vùng đất miền Tây Quảng Bình như Trần Trọng Kim trong "Việt sử lược" (5); Đào Duy Anh, "Việt Nam văn hoá sử cương" (6); Lâm Hoài Nam "Một tài liệu về cuộc

di dân nam tiến của tiền nhân" (7) đều dựa vào những ghi chép của các cuốn sách trên.

Đề cập đến nhóm người Nguồn với tư cách là nhóm ngôn ngữ, dân tộc, ngoài các tác giả người Pháp như Cadière (1905), M.cheon (1907), Maspero (1912), J.Cuisinier (1948)... những người Việt Nam đầu tiên, có lẽ phải kể đến các tác giả trong cuốn "Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam" (1959) của Lã Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu ... (8).

Ở cuốn sách "Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ" xuất bản năm 1964, Mạc Đường viết: "Theo một số gia phả của các họ thì nguyên nhân và thời gian di cư của bộ phận người Nguồn không hoàn toàn giống nhau. Ví như gia phả của họ Đinh ở thôn Phú Nhiêu, xã Thượng Hoá thì tổ tiên là ông Đinh Liệt, vốn một võ tướng cầm quân đánh Chiêm Thành ở phía Nam. Sau khi dẹp xong giặc, rút về qua vùng Quy Đạt ông thấy đất đai tốt mới mộ dân vào khai khẩn..."

Theo "Lịch triều hiến chương loại chí" (Phan Huy Chú, Nxb Sử học, 1960) Đinh Liệt là người thôn Lam Sơn, Thanh Hoá, gọi Lê Lợi bằng Cậu cùng với anh là Đinh Lễ, theo Lê Lợi khởi nghĩa và có công lớn trong việc giải phóng miền Tây Nghệ An dưới thời Minh thuộc. Năm 1434 Đinh Liệt thống suất các đạo quân Nghệ An, Tân An, Tân Bình, Thuận Hoá để tuần tiễu và tiễu trừ giặc Chiêm Thành quấy rối biên cảnh, rồi mộ dân đến khai khẩn ở đó...

Theo gia phả họ Đinh ở Tân Lý xã Minh Hoá, thì tổ tiên của họ này là Đinh

Ở, nguyên chúa đất miền này, ông là người Nam Đàn (Nghệ An), vào Quảng Bình khai khẩn và lập ra làng Tân Lý.

Ở Tân Lý còn có họ Trương, theo gia phả họ này thì ông tổ là ông Trương Trà cầm quân đánh giặc cướp và tử trận tại Tân Lý, hiện còn miếu thờ thần hoàng, thờ ông.

Một số người Nguồn ở thôn Đa Năng (huyện Tuyên Hoá) nguyên là họ Nguyễn ở vùng đèo Chèo (nay là làng Sơn Triều, Hưng Nhân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh) bị nhà Trịnh đánh đuổi nên chạy vào Quy Đạt rồi lên vùng Ba Nương, cuối cùng về định cư ở Đa Năng và đổi họ thành họ Cao, tức dòng họ Cao Vỡ ở Đa Năng ngày nay.

Số người Nguồn cư trú ở thôn Khai Hoá xã Thượng Hoá (Tuyên Hoá) nguyên là người ở chợ Voi, Đèo Ngang (nay thuộc Hà Tĩnh), người Bố Trạch (Quảng Bình), Nam Đàn, Nghĩa Đàn (Nghệ An) hoặc vì giặc giã, mất mùa, lụt lội mà di cư đến miền Tây Bắc Quảng Bình" (9).

Trong đợt nghiên cứu tháng 8 năm 1973 chúng tôi đã đến hai trung tâm xưa của người Nguồn là Cổ Liêm và Quy Đạt để tìm hiểu nguồn gốc của người Nguồn. Ở Cổ Liêm chúng tôi đã gặp các cụ Đinh Văn Ký 73 tuổi, cụ Cao Nén 70 tuổi, các cụ cho biết về gia phả của các dòng họ tại địa phương. Chẳng hạn gia phả dòng họ Cao ở làng Cổ Liêm thuộc xã Tân Hoá, có viết:

"Đệ nhất đại: Ông Cao Quang Cảnh, nguồn gốc thuộc tỉnh Thanh Hoá, huyện Hoàng Hoá, xã Long Cương rồi vào làng Vân Lôi, huyện Quảng Ninh. Ông Cảnh có sinh được hai người con trai, anh là Cao

Quang Hiến ở lại Vân Lôi, em là Cao Quang Hách vào tại Cổ Liêm thiết lập gia cư". Tính đến lúc đó đã được 12 đời (thế hệ).

Theo ông Nguyễn Dương Bình thì với các tài liệu do các cụ họ Trương ở địa phương cung cấp phù hợp với một gia phả trước đây đã tìm thấy ở xã Minh Hoá, nội dung đại để như sau:

"Ngã thủy tổ tông Lê Thánh Tông nam chinh sự binh chi hậu, kiến kỳ sơn thủy hữu tình khai tân điền bộ, thiết lập xã danh, nhĩ nguyên thất sách" (10).

Đến Quy Đạt (Quy Hoá), chúng tôi được cụ Đinh Thiện Lạc, cung cấp tư liệu về gia phả của dòng họ Đinh: Ông tổ là Đinh Văn Tôn, nguyên người Thanh Hoá giúp nhà Lê đánh nhà Mạc, sau giúp chúa Nguyễn đánh giặc, khi toàn thắng ông xin chúa Nguyễn mộ dân nghèo từ các nơi đến lập cư: "Quán tại Lam Sơn, Thanh Hoá, phụng trì thánh giá, chiến thảo man di Thuận Hoá, Phán bình cảnh thổ, khuy kiến sơn lâm khoáng dã. Đông từ Minh Cẩm trang, tây từ Thác Dĩ Thanh Lạng, nam Dương (Trương) Đá Mài, bắc Khe Đại Giang, Đông Lào giới, chiêu dân lập ấp, lập thành trang sách".

Trong cuốn "Lịch sử Đảng bộ huyện Minh Hoá tập I, thì "Theo gia phả họ Lê (đổi thành Đinh Văn Tôn) ở xã Xuân Hoá (huyện Minh Hoá), vào năm Tự Đức đệ tam niên 34 (1881) có ghi Đại Nam quốc, Quảng Bình tỉnh, Minh Hoá huyện, Cơ Sa tổng, Qui Đạt thôn" (11).

Theo Nguyễn Văn Mạnh thì ở vùng núi Tây Bắc tỉnh Quảng Bình, cư dân cổ mặt

sớm nhất là Chút, tiếp đến là cư dân nói ngôn ngữ Môn-Khơme (Khùa, Ma Coong và về sau nữa là Trì) từ Lào sang trong nhiều thời kỳ lịch sử. Từ thế kỷ 15 ở đây còn xuất hiện thêm lớp cư dân người Việt (gọi là Nguồn) từ vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh và vùng Đông Bắc Quảng Bình thiên di lên (12).

Thạc sỹ Hoàng Văn Đại, người đã có nhiều năm nghiên cứu về người Nguồn, trong luận văn thạc sỹ của mình, đã cho rằng: "Con đường di dân của họ là một vấn đề còn phải được nghiên cứu thêm (13).

Trong những tháng vừa qua, Trần Bình thu thập thêm được một số tư liệu như các chỉ dụ, các bài cúng, gia phả của các dòng họ thuộc các địa phương khác nhau trong huyện. Qua đó cho thấy người Nguồn có các nguồn gốc khác nhau.

2. Về tên gọi Nguồn

Cho đến nay, cũng chưa có nghiên cứu nào xác định tên Nguồn có từ bao giờ. Lê Quý Đôn trong "Phủ biên tạp lục" chỉ ghi: "ở thượng lưu gọi là nguồn, cũng như hạ bạn gọi là tổng".

Phần lớn đất đai của huyện Minh Hoá ngày nay thuộc hai nguyên Cơ Sa và Kim Linh xưa, về sau đổi hai nguyên thành hai tổng, mà âm Hán - Việt "nguyên" phiên ra tiếng Việt là Nguồn. Như vậy, từ tên gọi chỉ đơn vị hành chính chuyển sang tên gọi nhóm dân cư tương tự như sách, mừng vậy; hoặc như thổ là đất (người ở địa phương) trở thành tên dân tộc (dân tộc Thổ). Theo Nguyễn Dương Bình thì Nguồn chủ yếu do những người ở vùng đồng bằng

gọi một nhóm cư dân sinh sống ở thượng lưu sông Gianh. Tên này thực chất không mang ý nghĩa miệt thị mà dùng để chỉ những người sinh sống ở đầu sông ngọn nguồn. Ở đó có những nhánh sông được gọi là nguồn như nguồn Sâu, nguồn Nậm, nguồn Nậy.

3. Về kinh tế

Nông nghiệp của người Nguồn có nhiều nét giống với các nhóm Thổ ở Thanh Hoá, Nghệ An, chủ yếu là canh tác trên đất khô, cây trồng chủ yếu là lúa tẻ. Ở đây vãi lúa vào tháng 4 thu hoạch vào tháng 9, tháng 10. Nương rẫy chỉ làm có tính chất phụ trợ; sản trước đây cũng ít trồng, chỉ từ những năm 60 thế kỷ trước đến nay mới trồng nhiều. Vụ tháng 5 chủ yếu là trồng ngô trên đất bãi, cũng cày bừa như làm đất trồng lúa. Riêng ruộng nước, chỉ từ đầu những năm 50 - 60 thế kỷ trước mới có mương máng và từ đó mới phát triển ruộng nước. Các nông cụ làm đất, thu hoạch, vận chuyển và cất trữ lương thực của người Nguồn gần tương tự như của người Việt ở miền Trung. Chẳng hạn cày, bừa, có bừa răng gỗ, vò đập đất; trong canh tác có cày cải, cày trở, bừa trà; thu hoạch bằng *vàng* gần như cái hái ở miền xuôi; lúa buộc thành bó, gánh bằng đòn sóc; hoặc cho vào sọt dùng quang gánh gánh về chứ không gùi, đeo như ở vùng cao.

4. Về xã hội

- *Quan hệ đất đai:*

Trước cách mạng tháng Tám, đất đai ở đây cũng như ở một số nơi miền xuôi, chủ yếu là ruộng đất tư, chỉ có vùng Hoá Hợp, Cổ Liêm có ruộng đất công, nhưng sau

phân phối cho dân để quản lý gọi là nghiệp thổ. Riêng đất làm ngô gọi là điền bãi cứ 3 năm chia lại một lần, chỉ có nam giới từ 18 tuổi trở lên đã nhập làng mới được chia. Đối với những gia đình góa bụa cũng được xét để chia loại đất này. Sở dĩ cứ 3 năm chia lại đất đai (điền bãi) là vì dân số thay đổi. Điều này cũng giống với tình hình của nhiều vùng của người Việt. Trong quá trình chia đất bãi có sự bàn bạc thoả đáng, đất được chia có cả tốt, cả xấu. Trai làng từ 18 tuổi trở lên, nghĩa là phải chịu sưu, chịu thuế, gánh vác công việc xã hội thì mới được chia đất, không phải làm nghi lễ gì. Tuy nhiên làng có để lại một số ruộng đất dành cho việc tiêu tế, cấp cho các chức dịch trong làng.

Đối với những gia đình sinh đẻ nhiều, thiếu đất canh tác thì phải phát hoang đất rừng để làm, không phải nộp thuế.

Về quản lý, sở hữu và sử dụng đất đai ở người Nguồn, chúng tôi thấy có những nét giống với nhiều địa phương của người Việt và một số nhóm của người Thổ, nhất là ở khu vực bắc Nghệ An và vùng Như Xuân Thanh Hoá. Ở đây không thấy có ruộng lang, đất lang, vốn là quan hệ đất đai đặc thù của các vùng Mường. Vì vậy không có chế độ làm *sâu, nỏ, ậu* vv...

- Tổ chức xã hội:

Như trên đã nói, "nguồn" gọi theo Hán-Việt là "nguyên". Xưa nơi đây có hai nguyên sau là hai tổng Cơ Sa và Kim Linh. Mỗi làng có một ông chủ làng, một số nhóm Thổ gọi là *trùm làng*, Mường gọi là *tạo*, Chứt gọi là *ca vên*(^{*}). Chức này ở

người Nguồn cứ 3 năm bầu lại một lần. Nếu chủ làng không may qua đời thì các cụ có tuổi trong làng như tiên chỉ, thứ chỉ đề xuất người chủ làng mới. Trong lúc bầu có xin âm dương và phải xin 3 lần, nếu được cả mới đưa lên làm chủ làng. Ngoài chủ làng, có chủ sắc cất giữ sắc phong của làng. Ở đây có hai thời kỳ:

Thời kỳ trước, khi chưa có đình thì sắc phong, thần phủ được cất giữ ở nhà chủ làng, đến ngày mồng một, ngày rằm đưa ra cúng. Khi làng có việc thì dân làng tập trung ở nhà chủ làng để bàn bạc, giải quyết.

Thời kỳ sau, từ khi có đình, mọi việc đều diễn ra ở đình.

Chủ làng, chủ sắc, thủ từ đều phải qua việc xin âm dương, nếu được mới được làm. Ở đây có ông *sạ*, ông *seo*, nhưng không như mõ ở người Việt miền xuôi. Đặc biệt, trong tổ chức xã hội của người Nguồn không có tổ chức lang đạo như ở người Mường. Thời kỳ thuộc Pháp bộ máy tổ chức làng xã của người Nguồn tương tự như ở miền xuôi.

- Gia đình, dòng họ:

Gia đình của người Nguồn là loại gia đình đơn giản theo chế độ phụ quyền, một vợ một chồng. Con gái đi lấy chồng không được phân chia, thừa kế tài sản; phải giỗ tết cha mẹ, đặc biệt là vào dịp tết nguyên đán.

Về dòng họ, hiện nay ở người Nguồn có các họ như: Trương, Đinh, Cao, Thái, Trần..., riêng họ Ngô trước kia thường ở trong *hung* (thung). Theo ý kiến của các cụ già địa phương thì trước kia có thể còn có các họ khác nữa. Nhưng vì những lý do khác nhau người ta đã đổi thành các tên

* Các tư liệu về các nhóm Chứt là dựa vào báo cáo của Tạ Long, Ngô Thị Chính và Nguyễn Thị Thanh Bình.

họ như trên. Có lẽ do ảnh hưởng của các điều kiện địa lý, lịch sử và văn hoá nên ở vùng đồng bào Nguồn còn giữ được khá nhiều gia phả của các dòng họ. Dù rằng các gia phả được lập vào các giai đoạn lịch sử khác nhau, mỗi gia phả cũng có thời lượng khác nhau, nhưng rõ ràng đây là nguồn sử liệu quan trọng và rất đáng được nâng niu, giữ gìn.

- Về hôn nhân:

Như các dân tộc Việt, Mường, Thổ, Chứt trong nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, hôn nhân của người Nguồn cũng phải theo "môn đăng hộ đối". Về nguyên tắc là ngoại hôn dòng họ, một vợ một chồng và cư trú bên chồng.

Trong cưới xin cũng qua các bước như ở người Việt, người Thổ, như: dạm hỏi (lễ nói troong), lễ trâu cau (đập đàn), lễ cheo (nap cheo) lễ xin cưới (lễ sẽ còn gọi là lễ đi tin), lễ cưới, lễ lại mặt. Người Nguồn ở Cổ Liêm cũng như người Thổ Như Xuân còn có tục trong ngày cưới, chàng rể bê mâm trâu rượu đi chào ông bà, chú bác họ hàng nhà gái, những người này cầm miếng trâu hoặc uống chén rượu rồi bỏ vài hào bạc vào mâm mừng cho chú rể. Ngược lại đến nhà trai, cô dâu cũng mời trâu, rượu ông bà chú bác nhà trai, những người này cũng cầm miếng trâu hoặc uống chút rượu và cũng để ít tiền vào mâm mừng cho cô dâu mới.

Trong lễ cưới có tục nạp trâu tượng trưng bằng một sợi dây thừng (chạc), con trâu, có thể sẽ dắt đến sau. Tục này ít thấy ở người Việt, nhưng nạp trâu thì lại rất phổ biến ở các nhóm Thổ ở Thanh Hoá và bắc Nghệ An. Ngoài ra tục đi làm rể trong vòng 3 đến 5 năm, mỗi tháng dăm

bữa nửa tháng, cũng như tục sửa lễ đi tết bố vợ tương lai, ít thấy ở người Việt nhưng lại thịnh hành ở người Mường và các nhóm người Thổ nêu trên.

- Về tang ma:

Xưa kia trong gia đình có bố mẹ chết, con trai cả ra sân kêu trời 3 tiếng, mong giúp cứu sống bố mẹ. Sau đó vào xem bố, mẹ có sống lại hay không (làm có tính chất tượng trưng); Ở nhóm Cuối (Thổ) con trai lấy chiếc sào chọc lên giữa nóc nhà kêu trời, với ý nghĩa báo cho trời đất biết. Gia đình phải cho người đi báo trình trưởng làng. Đối với những người chết bất đắc kỳ tử (chết nghiệp) được phép đem về làng để làm ma nhưng không được đưa vào nhà, mà chỉ để ở ngoài sân.

Khi quan tài còn quàn trong nhà phải để chân ra phía cửa, có nghĩa là để ngang nhà, nói như ngạn ngữ của nhóm Mọn (Thổ):

"Khoẻ nằm dọc, nhọc nằm ngang"

Qua tìm hiểu các tục lệ trong tang ma của người Nguồn chúng tôi thấy cơ bản đều thực hiện theo "Thọ mai gia lễ". Cũng như trong đám tang của người Việt và của các nhóm Thổ ở Thanh Hoá, bắc Nghệ An, ở người Nguồn con trai đều chống gậy (cha trúc mẹ vòng, riêng nhóm Mọn (dân tộc Thổ), gậy là đoạn cây lau hoặc cây vòng, cây sắn đẽo bỏ vỏ), còn tất cả các nhóm thắt lưng bằng dây chuối, đội nùn rơm hoặc bẹ chuối, tang phục màu trắng, áo xô gấu lộn trái. Còn con gái, con dâu cũng đều mặc đồ trắng, đội mũ bằng vải có chóp nhọn còn gọi là mũ mấn. Đêm trước hôm đưa thi hài đi chôn có tục trở mình; đưa ma cho chân đi trước, con cháu nằm đường ở 3 tư thế khác nhau. Mộ đắp dài,

các nhóm Thổ và nhóm Nguồn trên mộ đều có nhà mả. Cũng như người Việt từ Hà Tĩnh trở vào, không có tục cải táng. Sau khi chôn đều có tục làm lễ 3 ngày, mở cửa mả, cúng cơm hàng bữa trong một trăm ngày ở bàn thờ riêng dành cho người mới mất, hoặc cho đến khi hết khó (đoạn tang), tùy từng địa phương.

Còn riêng đối với người Mường thì vấn đề tang ma rất phức tạp. Dưới chế độ phong kiến, nếu là nhà nghèo, không đủ tiền lo liệu việc tang và lễ lạt biểu xén chức dịch thì có thể phải để ma trong nhà hàng tháng, hàng năm trời, rất tốn kém, đã nghèo càng nghèo thêm. Còn đối với các chức dịch, nhà lang cũng để ma lâu ngày trong nhà, nhưng là để nhận lễ lạt, biểu xén của nhân dân.

5. Về văn hoá vật chất

- Làng xóm:

Làng dù to hay nhỏ cũng đều phải có đất đai ở vị trí thuận tiện để các gia đình làm nhà ở, làm chuồng trại chăn nuôi (hiện nay có một số làng ở đây đã có khu vực chuồng trại riêng); có đất để làm vườn; có đất khô hoặc ruộng để trồng cây lương thực; có đất để làm bãi thả trâu, bò; có chỗ để chôn cất người chết, đặc biệt phải có nguồn nước dùng trong sinh hoạt hàng ngày.

Có một số làng ở đây có chùa, còn đình thì mới có vào những năm đầu thế kỷ trước. Riêng miếu thì hầu như làng nào cũng có.

- Nhà cửa:

Theo Nguyễn Khắc Tụng qua bản vẽ một vì kèo của M.L.Cadie thì nhà của người Nguồn là nhà nền đất với vì kèo có

ba cột (một cột cái ở giữa, hai cột con ở hai bên, một xà ngang gác trên hai đầu cột con). Kiểu nhà này không hoàn toàn giống kiểu vì kèo của nhà rọi ở vùng đồng bằng Quảng Bình, mà giống một trong những kiểu vì kèo của nhà ở miền Bắc, nay còn bắt gặp gần như còn nguyên vẹn ở một bộ phận người Chứt (Sách) trong cùng địa bàn cư trú của người Nguồn.

Ngoài kiểu trên cũng theo Nguyễn Khắc Tụng, còn có 3 kiểu giống nhà người Việt ở vùng đồng bằng, đó là nhà rọi, nhà cặp và nhà chữ đình. Ngoài ra nhà của người Nguồn còn nhiều yếu tố tàn dư của nhà sàn, một hình ảnh mờ nhạt của nhà Mường qua một số bộ phận của nghề nhà (14).

- Trang phục:

Xưa kia đàn ông, đàn bà Nguồn đều để tóc dài, quấn thành nệm ở sau gáy. Đàn ông ăn mặc giống như đàn ông nông thôn người Việt, quần áo bà ba màu nâu, trước nữa thì đóng khố, áo thì có áo dài 5 thân hoặc 4 thân cổ đứng, quần chân què, đũng chéo. Khi mặc vấn chéo, túm trước bụng, có dải buộc gọi là *chạc lưng*. Vào các dịp lễ, tết có mặc quần trắng áo the. Phụ nữ Nguồn xưa mặc váy ngắn để mộc hoặc nhuộm nâu, khi mặc cũng quấn chéo trước bụng có dây lưng thắt ở bên ngoài, phần ngực để trần, có một số người có mặc yếm; áo của phụ nữ cũng là áo 5 thân hoặc 4 thân. Khăn của phụ nữ thường là một tấm lụa hoặc vải khi đội, vấn thành nhiều nếp.

Nhìn chung trang phục cũng như cách ăn vận của người Nguồn giống với trang phục và cách ăn vận của người Việt trước đây và của người Thổ ở Thanh Hoá, bắc Nghệ An cách đây hai, ba chục năm, và

khác với người Mường, nhất là trang phục của phụ nữ.

- Về ăn uống:

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của người Nguồn nói riêng, Minh Hoá nói chung là ăn cơm bồi (*pôi*), thức ăn có ốc vụn (*ốc tực*), rau lang (*thau lang*), cà suối, cà lào, muối ớt.

Từ xưa người Nguồn có câu:

"*Trông cho mau tểng mùa pôi*
Nhớ con ốc tực tang ngòi trên vâm"

Nghĩa là: "*Trông cho mau đến mùa bồi*

Nhớ con ốc vụn đang ngòi trên mâm"

Hoặc: "*Thương chắc cấp chắc lên Lào*
Thương cha nhớ mẹ pách cà lào xào ăn"

Ở một số nhóm của dân tộc Chứt cũng ăn cơm bồi, ốc vụn, rau lang nhưng cách chế biến có phần đơn giản hơn.

Vào các dịp lễ tết ở đây còn có các loại bánh như: bánh chưng vuông, bánh tày, bánh gai, bánh mật.

Xưa kia cả nam và nữ người Nguồn đều nhuộm răng, ăn trầu như các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Việt - Mường. Uống rượu cất, uống nước chè xanh là tập quán đã có từ lâu đời của người dân địa phương.

6. Về văn hoá tinh thần

Như trên đã nói, ở người Nguồn trong gia đình chỉ có thờ cúng tổ tiên, không có tôn giáo nào khác, ở từng dòng họ đều có thờ các vị thần, vị vua khác nhau.

Ở đây có thờ bụt (*pụt*) giống với sự thờ cúng của người Mường, một số địa phương của người Việt và người Thổ. Thác bụt, nơi thờ cúng có tính chất cộng đồng của người

Nguồn, lúc đầu chỉ có hai làng thờ cúng, là làng Yên Đức và làng Tân Kiều, về sau cả tổng Cơ Sa đều thờ cúng.

"*Trông cho mau đến tháng ba*
Kim Linh cầu đảo Cơ Sa ăn rằm"

Các lễ nghi nông nghiệp như cầu đảo, kỳ yên, cúng cơm mới, cúng hồn lúa, v.v đều có những nét tương đồng như các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Việt - Mường.

Trong cộng đồng người Nguồn còn có kho tàng văn hoá, văn nghệ dân gian rất phong phú, bao gồm các thể loại như truyện kể dân gian, ca dao tục ngữ, thành ngữ, hát, hò. Trong đó có hát sắc bùa, hát đúm, hát ví, hát ru con, hát nhà trò; hò thuốc cá, hò đi lấy gỗ .v.v.

7. Về ngôn ngữ

Trong một nghiên cứu về mối quan hệ thân thuộc giữa các ngôn ngữ của nhóm Việt - Mường miền Tây Quảng Bình, Phạm Đức Dương đã xếp tiếng Nguồn vào phương ngữ Bắc Trung bộ và coi là một thổ ngữ bị tách biệt (15).

Trong Hội thảo này đã có các tham luận của các nhà ngôn ngữ học, ở đây chúng tôi chỉ so sánh một số từ vựng cơ bản giữa tiếng nói của người Nguồn với người Việt, người Mường, 4 nhóm của người Thổ và 2 nhóm Sách, Mày của dân tộc Chứt. Riêng nhóm Kẹo (Thổ) ở Nghĩa Đàn chúng tôi thấy hầu hết các từ cơ bản đều giống với từ của người Việt nên không đưa vào đây. Về tỷ lệ giống nhau giữa từ vựng của các nhóm này, tham luận của Đoàn Văn Phúc cho rằng người Nguồn có vốn từ chung khá cao với các thổ ngữ người Việt bắc Trung Bộ, ngay cả với tiếng Việt thế kỷ 17 (dao động từ 84 đến 91%). Trong khi đó các ngôn ngữ Nguồn có

vốn từ chung với thổ ngữ Mường thấp hơn (dao động từ 71% - 78%). Còn theo Nguyễn Hữu Hoàn thì về mặt từ vựng giữa Nguồn và Kẹo có tỷ lệ cao nhất (86%), nhưng về mặt ngữ âm lại là những thành viên khác nhau nhất.

Theo thống kê của chúng tôi trong số 300 từ được chọn, giữa Nguồn với Việt (Việt miền Bắc và Việt Nghệ An), Thổ (các nhóm Như Xuân, Lâm La, Mọn, Cuối), Mường (Hoà Bình và Thanh Hoá) và các nhóm Chứt (dựa vào kết quả điều tra của Tạ Long, Ngô Thị Chính và Nguyễn Thị Thanh Bình) cho thấy có sự tương đồng về từ vựng giữa Nguồn với các nhóm này tính từ cao xuống thấp như sau:

1. Thổ Như Xuân
2. Thổ Lâm La
3. Thổ Mọn
4. Mường Thanh Hoá (Mường ngoài)
5. Việt Nghệ An
6. Mường Hoà Bình
7. Thổ Cuối
8. Việt miền Bắc
9. Sách
10. Mày

Dưới đây xin dẫn ra một số từ thuộc các lĩnh vực khác nhau:

Bảng 1: Về các từ chỉ tự nhiên (từ để trong ngoặc đơn là tiếng Việt Nghệ An)

TT	Việt	Nguồn	Thổ				Mường		Chứt	
			Như Xuân	Lâm La	Mọn	Cuối	Hoà Bình	Thanh Hoá	Sách	Mày
1	trời	trời	trời	trời	trời	rười	bời	trời	plời	plời
2	mặt trắng	mặt trắng	mặt trắng	mặt trắng	mặt trắng	bằng roàng	mặt blằng	mặt trắng	mắt pả lu-an	mắt plàn
3	đất	tất	tất	tất	tất	tất	tất	đất	bón	bón
4	nước (rác)	đác	đác	đác	đác	đác	đác	rác	đác	đác
5	núi (rú)	rú	rú	sú	tuôi	sú	tôi	đôi	tung	tuung

Bảng 2: Về các loại cây cối, hoa quả

TT	Việt	Nguồn	Thổ				Mường		Chứt	
			Như Xuân	Lâm La	Mọn	Cuối	Hoà Bình	Thanh Hoá	Sách	Mày
1	cây	cơn	cân	cân	cây	gân	cơ	cơ	cây	cây
2	quả (trấy)	trái	trấy	trấy	trái	trế	p'lái	trái	plí	plí
3	hạt	hột	hột	hột	hột	học	hột	hột	mắt	cà dảng
4	lúa (lố)	thoóc	lọ	lọ	lọ	lố	lố	lố	lố	a lố
5	trầu (trù)	trù	trù	trù	trù	rù	p'lu	p'lu	plù	chù loi

Bảng 3: Về các loại động vật

T T	Việt	Nguồn	Thổ				Mường		Chứt	
			Như Xuân	Lâm La	Mọn	Cuối	Hoà Bình	Thanh Hoá	Sách	Mày
1	trâu (tru)	tru	tru (c'lu)	tru	tru	tru	c'lu	c'lu	tra lu	c'lu
2	bò	bò	pò	pò	pò	voa	pò	bò	bò	pò
3	lợn	lợn	lợn	lợn	cùi	gủn	cùi	cùi	cún	cùl
4	gà	ca	kha	kha	ca	gà	ca	ca	tà ca	tà ca
5	giun (trùn)	trun	trun (c'lun)	trun	trun	run	p'lun	trun	cà lãnh	tà lênh

Bảng 4: Về các bộ phận cơ thể người

T T	Việt	Nguồn	Thổ				Mường		Chứt	
			Như Xuân	Lâm La	Mọn	Cuối	Hoà Bình	Thanh Hoá	Sách	Mày
1	đầu (trôốc)	trôốc	trôốc (c'lôốc)	trôốc	trôốc	rôốc	c'lôốc	c'lôốc	cà lưỡc	cù loọc
2	tóc	thắc	xắc	xắc	xắc	xôốc	thắc	xắc	xúc	xúc
3	mồm	mẹng	mồm	mẹng	mẹng	boỏ	mồm	mồm	cáng	cáng
4	cổ	cổ	cổ	cổ	coóc	cộ	coóc	kel	ta ky	noóng
5	tay	thay	xay	xay	xay	xay	thay	xay	xi	xi

Bảng 5: Danh từ liên quan đến nhà cửa và làng xóm

T T	Việt	Nguồn	Thổ				Mường		Chứt	
			Như Xuân	Lâm La	Mọn	Cuối	Hoà Bình	Thanh Hoá	Sách	Mày
1	làng	làng	làng	làng	làng	làng	làng	làng	ca vên	ca vên
2	nhà	nhà	nhà	Nha	nha	nha	nha	nha	nha	nha
3	cửa	cửa	cửa	cửa	cửa	cửa	cửa	cửa	n'mớ	n'mớ
4	bếp	pép	pép	pép	pép	pêng	pép	bép	pây cún	tơ pé cul
5	lửa (lả)	lả	lả	lả	lả	gul	cui	cui	cul	cul
6	tro (mun)	vun	tro (c'lo)	tro	bun	mùn	buynh	buynh	tà pé	tờ pé
7	bồ hóng	mông hóng	mông hóng	Mông hóng	Móng hóng	mông hóng	móng pép	móng rếch	bồ hóng	là mãng
8	cối	cốn	cốn	cốn	cối	cốn	cối	côi	cối	t'côi
9	chày	sày	chày	sày	khày	dùi	khay	khay	ri	di
10	cầu thang	cầu thang	màn	màn	màn	màn	màn	man	tư tá	tá

Bảng 8: Về hệ thống thân tộc

T T	Việt	Nguồn	Thổ				Mường		Chứt	
			Như Xuân	Lâm La	Mọn	Cuối	Hoà Bình	Thanh Hoá	Sách	Mày
1	ông nội	ông	ông	tá	ông	ông	ông	bố kha	ông nội	Pu nội
2	bà nội	mụ nội	bà nội	đạ	bà nội	bà nội	mế dá	mế khá	p'luộc nội	gia nội
3	bà ngoại	mụ ngoại	bà ngoại	mông	mông	bà ngoại	mế	mông	p'luộc ngoại	nai
4	bố	bố	bọ	bọ	cha	bọ	thầy (eng)	xây, bố	pự	pự
5	mẹ	mẹ	mệ	mệ	mệ	mệ	mạng	mạng, mệ	mie	mĩa
6	chồng	dông	dông	dông	ông	dông	láu	ông	pa cún	pa cún
7	vợ	cấy	cấy	cấy	mụ	moạ	bớ	vợ	pa ký	pa ký
8	bác (anh bố)	pác	pác	pác	pác	bác	bác	bác	bác	bác
9	bác (anh mẹ)	pác	pác	pác	pác	bác	bác	bác	bác	bác
10	bác (chị bố)	pá	pá	pá	pá	dựa	pá	bá	pá	bác
11	bác (chị mẹ)	pá	pá	pá	pá	dựa	pá	bá	pá	pá
12	cậu(em trai mẹ)	cụ	cụ	cụ	cụ	voạ	cú	cú	cụ	cụ
13	chú(em trai bố)	chú	chú	chu	chú	voạ	chú	chú	pụa	pụa
14	cô (em gái bố)	o	o	o	o	o	goạ	goạ	o	o
15	dì(em gái mẹ)	ý	ý	ý	ý	o	ý	ý	mự	mự

Như vậy, tất cả những điều đã trình bày trên đây để cuối cùng xem xét xem người Nguồn là một dân tộc hay là một nhóm địa phương của dân tộc nào. Để trả lời được câu hỏi này thật không đơn giản nhưng là một việc mà chúng ta phải làm.

Trở lại lịch sử của vấn đề, ta thấy trong cuốn sách viết về các dân tộc thiểu số của Việt Nam xuất bản năm 1959 (8), các tác giả đứng đầu là Lã Văn Lô (người mà trong những năm cuối thập niên 60, đầu 70 của thế kỷ trước, là phó Viện

trưởng, phụ trách Viện Dân tộc học) tuy không có dòng nào viết về người Nguồn, nhưng trong bảng thống kê của cuối sách, các tác giả này xếp Nguồn vào dân tộc Mường cùng với người Sách cùng địa phương Quảng Bình và người Thổ ở Nghệ An. Trong cuốn "Lịch sử Việt Nam tập I của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam" xuất bản năm 1971 cho rằng "Người Nguồn, Sách ở miền núi Bắc Trung Bộ là những nhánh bà con gần gũi với người Mường" (16). Có điều là cho đến lúc đó ta chưa xác định Thổ là một dân tộc.

Mạc Đường, trong cuốn "Các dân tộc miền núi bắc Trung Bộ" năm 1964, xếp Nguồn là một bộ phận của người Việt, và cho rằng: "Người Nguồn là bộ phận của người Việt ở đồng bằng Nghệ - Tĩnh di cư vào miền Tây Quảng Bình hồi đầu thế kỷ XV" (9: 34).

Tại Hội nghị bàn về xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam do Viện Dân tộc học phối hợp với Ủy ban Dân tộc Trung ương và trường Đại học Tổng hợp Hà Nội tổ chức tại Hà Nội tháng 11 năm 1973, đã nhất trí xếp Nguồn vào dân tộc Việt (Kinh) và trong quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê (được Chính phủ uỷ nhiệm) ngày 2.3.1979 chính thức xếp Nguồn là một nhóm địa phương của dân tộc Việt.

Tuy nhiên từ đầu thập niên 90 thế kỷ trước, cán bộ và nhân dân người Nguồn đã nhiều lần đề nghị Nhà nước có chủ trương xem xét lại vấn đề này. Khi được Nhà nước cho phép tiến hành xác định lại thành phần dân tộc của một số dân tộc và một số nhóm địa phương, thì người

Nguồn là nhóm ngay từ đầu được đưa vào để điều tra nghiên cứu. Các báo cáo của chúng tôi ở Hội thảo này cũng là kết quả của các cuộc điều tra nghiên cứu đó.

Trở lại những vấn đề chúng tôi đã trình bày trên đây cho thấy: Nguồn là một nhóm người được hợp thành từ nhiều nhóm cư dân khác nhau, có một số có thể là người Việt, người Mường từ các tỉnh phía ngoài vào ở thời kỳ mà giữa Việt và Mường còn nhiều nét chung cả về kinh tế, xã hội và văn hoá. Sau đó vẫn có những đợt di cư tiếp theo vào vùng đất này, kể cả số người từ dưới đồng bằng Quảng Bình lên, họ cộng cư với những người dân tại chỗ, có thể là tổ tiên của các nhóm người Chứt hiện nay. Mặt khác, không loại trừ có một số người chuyển cư từ Lào sang và ngược lại, lại có một số người chuyển cư sang Lào. Chính vì vậy mà Nguồn là một cộng đồng thống nhất nhưng rất phong phú, đa dạng về ngôn ngữ, văn hoá.

Hiện nay đang có những ý kiến khác nhau về thành phần dân tộc của nhóm người này. Theo chúng tôi giữa Nguồn và Thổ có khá nhiều nét tương đồng, trong đó có ngôn ngữ và văn hoá. Hơn nữa Thổ là một cộng đồng có nguồn gốc từ nhiều địa phương khác nhau, có thể từ dưới đồng bằng lên, từ khu vực phía ngoài vào và có một số từ Lào chuyển về nên cũng rất đa dạng về văn hoá và ngôn ngữ.

Có điều là hiện nay, giữa hai nhóm cư dân này cư trú cách biệt nhau, đồng bào chưa có dịp gặp gỡ, trao đổi với nhau nên chưa hiểu nhau; khó có điều kiện để thể hiện ý thức tộc người của mình. Như một nhà khoa học đã phát biểu trong Hội nghị

khoa học về xác định thành phần dân tộc ở nước ta được tổ chức tại Hà Nội tháng 11 năm 1973: "Ở những dân tộc có nhiều nhóm địa phương khác nhau, thì nhiều nơi những nhóm này hoàn toàn tách khỏi người đồng tộc của mình, tự nhận là một dân tộc, nếu không nghiên cứu thấu đáo sẽ dễ nhầm lẫn, coi nhóm địa phương là một dân tộc" (17).

Theo chúng tôi trong thời gian tới nên chăng chúng ta cần tổ chức những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa hai cộng đồng này (Nguồn và Thổ) để đồng bào tìm hiểu, trên cơ sở hiểu nhau, nhận nhau mà quyết định thành phần dân tộc của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (Lào), Trung tâm thống kê quốc gia, *Kết quả của cuộc điều tra dân số ngày 1.3.1995*, Viên Chăn, tháng 4.1997, tr. 15.
2. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 24.
3. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục tập I*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 32.
4. *Đại Nam Nhất thống chí* quyển 2, Nxb Thuận Hoá, 1997, tr. 6
5. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược* (in lần đầu năm 1921), Nxb Văn hoá thông tin, 2002, tr. 107, 108.
6. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 32-33.
7. Lâm Hoài Nam, *Một tài liệu về cuộc di dân Nam tiến của tiền nhân*, 1959.
8. Lã Văn Lô - Nguyễn Hữu Thấu..., *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1959, tr. 245
9. Mạc Đường, *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ (sự phân bố dân cư và những đặc trưng văn hoá)*, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 34-36.
10. Nguyễn Dương Bình, *Về thành phần dân tộc của người Nguồn*, đăng trong *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền bắc Việt Nam* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 479
11. BCH Đảng bộ huyện Minh Hoá, *Lịch sử Đảng bộ huyện Minh Hoá, T-I 1930-1975*, Minh Hoá tháng 9, 2000, tr. 9.
12. Nguyễn Văn Mạnh, *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hoá, Huế 1996, tr. 21.
13. Hoàng Văn Đại, *Những giá trị văn hoá truyền thống của người Nguồn (huyện Minh Hoá tỉnh Quảng Bình)*, luận văn thạc sỹ khoa học lịch sử, chuyên ngành Dân tộc học, Huế, 2000, (Khoa Lịch sử Đại học Khoa học Huế).
14. Nguyễn Khắc Tụng, *Góp phần tìm hiểu thành phần tộc người của người Nguồn qua những nhận xét về nhà cửa của họ*, trong cuốn *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam* (sdd), tr. 493 - 494.
15. Phạm Đức Dương, *Về mối quan hệ thân thuộc giữa các ngôn ngữ thuộc nhóm Việt Mường miền Tây tỉnh Quảng Bình*, trong cuốn *Về vấn đề xác định...* (sdd), tr. 507.
16. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam tập I*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 29.
17. Thông báo Dân tộc học, số 3.1973, tr. 103-105.